

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/5/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình.
2. Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 29/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXX-ST ngày 13/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vương Đắc Q, sinh năm 1982 - vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Minh H, sinh năm 1976 - vắng mặt.

Nơi sinh: Phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang cư trú ở Ba Lan)

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho bị đơn chị Lê Thị Minh H là: Chị Lê Thị Th - sinh năm 1968, trú tại: Số nhà X, ngách Y, ngõ Z đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 18/4/2019 Nguyên đơn anh Vương Đắc Q trình bày:

Anh và chị Lê Thị Minh H kết hôn ngày 18/3/2015. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình chồng khoảng 1 tháng. Sau đó chị H sang Ba Lan sinh sống và làm việc, còn anh vẫn ở Việt Nam. Ban đầu khi sang Ba Lan thì chị H thường xuyên gọi điện thoại liên lạc hỏi thăm chồng. Khoảng năm 2017 thì anh chị ít liên lạc dần, vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa cách lâu ngày, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Hiện nay chị H vẫn đang ở Ba Lan sinh sống và làm việc. Nay, anh xác định

tình cảm vợ chồng không còn. Anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải Q cho anh được ly hôn chị Lê Thị Minh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, anh không đề nghị Tòa án giải Q.

Về Tài sản, công nợ: Vợ chồng không có gì, anh không đề nghị Tòa án giải Q.

Do anh thường xuyên đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên không thể về tham gia các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Lê Thị Minh H được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Lê Thị Minh H.

Bị đơn Chị Lê Thị Minh H trình bày: Chị và anh Vương Đắc Q kết hôn ngày 18/3/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình chồng khoảng 1 tháng. Sau đó chị sang Ba Lan sinh sống và làm việc, anh Q vẫn ở Việt Nam. Ban đầu khi sang Ba Lan thì chị thường xuyên gọi điện thoại liên lạc hỏi thăm chồng. Khoảng năm 2017 thì vợ chồng ít liên lạc dần, vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách lâu ngày, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Hiện nay chị vẫn đang ở Ba Lan sinh sống và làm việc. anh Q vẫn ở Việt Nam. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Q xin ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị không đề nghị Tòa án giải Q.

Về Tài sản, công nợ: Vợ chồng không có gì, chị không đề nghị Tòa án giải Q.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Ba Lan nên chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Q và chị. Chị cũng ủy quyền cho Bà Lê Thị Th, sinh năm 1968, trú tại: Số nhà X, ngách Y, ngõ Z, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Tại đơn đồng ý nhận ủy quyền đề ngày 18/3/2019, bà Lê Thị Th có ý kiến như sau: Bà đồng ý nhận ủy quyền của chị Lê Thị Minh H và cam đoan sẽ thông báo lại cho chị H biết các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị trong vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa anh Q và chị H.

Tại phiên tòa anh Q và chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt của anh Q; Bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin vắng mặt của chị H (tất cả các giấy tờ của chị H đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Ba Lan); Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Vương Đắc Q và chị Lê Thị Minh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Q định xét xử vắng mặt anh Q chị H.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Vương Đắc Q là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Lê Thị Minh H, chị H có nơi sinh tại phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, hiện đang sinh sống và làm việc tại Ba Lan. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Vương Đắc Q và chị Lê Thị Minh H kết hôn ngày 18/3/2015, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh Q làm dâu ở chung cùng gia đình chồng được khoảng 1 tháng. Sau đó chị H sang Ba Lan sinh sống và làm việc, còn anh Q vẫn ở Việt Nam. Ban đầu khi sang Ba Lan thì chị H anh Q thường xuyên gọi điện thoại liên lạc hỏi thăm nhau. Khoảng năm 2017 thì anh Q chị H ít liên lạc dần, vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa cách lâu ngày, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Hiện nay chị H vẫn đang ở Ba Lan sinh sống và làm việc. Cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải Q cho anh được ly hôn chị H, chị H cũng đồng ý ly hôn anh Q. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Q và chị H được ly hôn.

[4]. Về con chung: Không có, anh Q chị H không yêu cầu Tòa án giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Q.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Không có, anh Q chị H không yêu cầu Tòa án giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Q.

[6]. Về án phí: Anh Vương Đắc Q phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị Q của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Q đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều

238, Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị Q của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Đắc Q được ly hôn chị Lê Thị Minh H.

2. Về án phí: Anh Vương Đắc Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000245 ngày 13/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Q đã nộp đủ.

Anh Vương Đắc Q vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định

Chị Lê Thị Minh H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nguyễn Văn Nhiên